| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2020.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ong Thân Thắng.
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Ngọc Sửu- Cán bộ hưu.
Bà Nguyễn Thị Bích- Cán bộ hưu.
***-Thư ký phiên toà:***Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 20/01/2020 và ngày 20/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/9/2019về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QDDST0-HNGĐ ngày 27/12/2019; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/10/1990.
Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/4/1991.
Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Có đơn xin xét vắng mặt.
Chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M (sinh năm: 1969.Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang) nhận văn bản tố tụng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 20/9/2019 và các biên bản làm việc nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống và đăng ký kết hôn ngày 09/4/2010 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, từ năm2015 chị H đi

xuất khẩu lao động tại nước ngoài và có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh khuyên bảo nhưng chị không nghe.Năm 2018 chị H về nước nhưng mâu thuẫn vẫn nảy sinh không khắc phục được, cuối năm 2018 chị H đi nước ngoài tiếp và hiện đang ở nước ngoài nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy anh làm đơn khởi kiện để nghị xin ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháuNguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/6/2013. Hiện con chung đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 2 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn anh không yêu cầu chị Hphải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đang lao động tại nước ngoài. Tòa án đã tiến hành xác minh với Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để xác minh chị Mai có xuất khẩu lao động đi nước ngoài hay không. Căn cứ công văn trả lời số 13687/QLXNC-P5 ngày 26/8/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì xác định chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/4/1991đã xuất cảnh ngày 23/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện quan điểm về việc anh Q xin ly hôn. Chị H đồng ý ly hôn với anh Q vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/6/2013. Hiện con chung đang ở với anh Q. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được nuôi dưỡng 2 con. Do chị không có nhà nên ủy quyền cho mẹ đẻ là Nguyễn Thị M là bà ngoại của hai cháu nhận nuôi 2 con thay chị trong thời gian chị hợp đồng lao động ở nước ngoài.

* Do tài liệu chị H gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài nên anh Q có đơn yêu cầu giám định và cung cấp tài liệu mẫu liên quan để xác định tính hợp pháp của tài liệu có phải của chị H hay không. Tòa án đã thu thập bổ sung tài liệu mẫu để giám định và ban hành quyết định trưng cầu giám định số 08/2019/QĐ-TCGĐ ngày 23/10/2019 gửi Công an tỉnh Bắc Giang, giám định chữ viết, chữ ký, điểm chỉ dấu vân tay của chị Nguyễn Thị H trong "Bản tự khai" và "Đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền". Tại kết luận giám định số 1777/KL-KTHS ngày 08/11/2019 của Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ viết Nguyễn Thị H-H dưới mục "người làm đơn, người viết đơn" trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Thị H trên tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra. Các dấu vân tay in bằng mực xanh dưới mục "người làm đơn, người viết đơn" trên các tài liệu cần giám định bị đậm nhòe, không đủ điều kiện giám định.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Nguyễn Tuấn M, Nguyễn Minh H1 có trình bày đang ở cùng với bố, nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với bố.

* Tòa án đã làm việc với bà Nguyễn Thị M, bà M có ý kiến đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án theo sự ủy quyền của chị H. Về con chung chị H có nguyện vọng được nuôi 2 con chung và ủy quyền cho bà nuôi con do chị đang ở nước ngoài thì bà cũng đồng ý nhận nuôi các cháu thay chị H. Đề nghị Tòa án

xem xét nguyện vọng của chị H. Nếu được nuôi con thì chị H và bà không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa nguyên đơn anh Q có mặt và trình bày: Tôi giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị H và đề nghị được nuôi 2 con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung và giao con cho bà ngoại các cháu nuôi dạy. Lý do vì các con đang ở ổn định với tôi, được gia đình tôi chăm sóc nuôi dạy đảm bảo. Các cháu có nguyện vọng muốn ở với bố. Chị H không có mặt tại nhà không đảm bảo việc trông nom, nuôi dạy các con. Bà ngoại còn có công việc của bà, không đảm bảo thời gian chăm sóc các cháu được. Sau này nếu chị H có về nước mà có yêu cầu được nuôi con thì chị có quyền thương lượng với tôi hoặc khởi kiện thay đổi người nuôi con nếu như tôi không đủ điều kiện nuôi con.

Chị H vắng mặt, HĐXX công bố các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: anh Nguyễn Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Giao 2 con chung là cháuNguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/6/2013cho anh Qtrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ: anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn có đơn xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với chị Nguyễn Thị H là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Chằm, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, hiện chị H đang lao động tại nước ngoài (không rõ địa chỉ). Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên chị Nguyễn Thị H, HĐXX thấy:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có bản tự khai, đơn xin xét xử vắng thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về cho anh Nguyễn Văn Q để cung cấp cho Tòa án. Do văn bản của chị H gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài nên anh Q có đơn đề nghị giám định chữ viết, dấu vân tay của chị Htrên tài liệu gửi về Tòa án. Tòa án cũng thu thập tài liệu có chữ viết, dấu vân tay của chị H để làm mẫu so sánh phục vụ công tác giám định.

[2.2]. Sau khi thu thập tài liệu, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 08/2019/QĐ-TCGĐ ngày 23/10/2019. Tại kết luận giám định số 1777/KLGĐ-KTHS ngày 11/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện:chữ viết Nguyễn Thị H-Hằng dưới mục "người làm đơn, người viết đơn" trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Thị H trên tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của chị Nguyễn Thị H gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của chị Nguyễn Thị H. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3].Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q có mặt, chị Nguyễn Thị H vắng mặt có bản tự khai trình bày quan điểm, có đơn xin xét xử vắng mặt.HĐXX thấy việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị H.

[4].Về quan hệ Hôn nhân:

[4.1]. AnhNguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H chung sống và đăng ký kết hôn ngày 09/4/2010 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do đó, HĐXX xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị H đi lao động tại nước ngoài. Nay, anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy anh làm đơn khởi kiện để nghị xin ly hôn chị H. Chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Q.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt 1 thời gian dài trước đó và kể từ tháng 10/2018 (thời điểm chị H xuất khẩu đi lao động nước ngoài) cho đến nay thì anh Q, chị H đã không còn liên lạc với nhau, cả 2 bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Q và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị H đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, xử cho anh Q được ly hôn chị H.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Anh Q và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/6/2013 hiện đang ở cùng anh Q. Khi ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giao 2 cháu cho anh được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5.2]. HĐXX thấy: Cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/6/2013 là con chung chưa thành niên, đang ở với anh Q. Anh Q có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng hiện nay không có mặt tại Việt Nam để trực tiếp nuôi con.Chị H có ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M nuôi con thay chị trong thời gian chị ở nước ngoài lao động. Anh Q không đồng ý giao con cho bà Nguyễn Thị M nuôi vì anh cũng đảm bảo điều kiện để nuôi con.Các con chung của anh chị đang ở ổn định và được anh Q chăm sóc tốt, chị H không có chứng cứ gì chứng minh anh Q không đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ nguyện vọng của các con chung muốn ở với bố là anh Q. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung của anh chị, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/6/2013.Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do anh Nguyễn Văn Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị H nếu có yêu cầu tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[7].Về chi phí tố tụng:

[7.1]. Về chi phí giám định 3.240.000 đồng anh Nguyễn Văn Q xin chịu cả cần chấp nhận.

[7.2]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147- Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh Q đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân

sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 161; Điều 177; Điều 179; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2.Về nuôi con chung:

- Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 27/4/2011 và cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/6/2013cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí giám định tài liệu: Anh Nguyễn Văn Q chịu cả 3.240.000 đồng, xác nhận anh Nguyễn Văn Q đã nộp và chi phí số tiền 3.240.000 đồng.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000428 ngày 04/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn Q cư trú tại Việt Nam, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- ChịNguyễn Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn là 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã N, T;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**